

# MÔ HÌNH DẠY HỌC THEO TIẾP CẬN CÁC LÝ THUYẾT HỌC TẬP

**ThS. ĐỖ THẾ HƯNG**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

**ThS. NGUYỄN THỊ KIM HOA**

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## Đặt vấn đề

Sự phát triển của các lý thuyết học tập luôn gắn liền với sự phát triển của giáo dục nhà trường và chi phối mạnh mẽ công cuộc cải cách giáo dục. Sự ra đời của thuyết Hành vi đã thống trị hoạt động dạy học trong nhà trường hàng trăm năm nay, khiến người ta cho rằng nó như một cuộc cách mạng, làm cho người học được thực hiện hoạt động học tập của mình theo một chương trình lập sẵn, có kiểm tra, đánh giá kết quả đầu ra thường xuyên để điều chỉnh quá trình luyện tập. Sau này, người ta thấy rằng hoạt động học tập có liên quan chặt chẽ đến sự biến đổi trong cấu trúc nhận thức của người học và có cơ chế bên trong thúc đẩy, đồng thời chịu tác động của các yếu tố văn hóa xã hội, công nghệ kĩ thuật số... Do đó, các lý thuyết học tập Nhận thức, Kiến tạo, Kết nối... đã ra đời để khắc phục khiếm khuyết của lý thuyết Hành vi và tiếp tục phát triển với những nấc thang mới. Điều đã làm thay đổi căn bản hoạt động sư phạm trong nhà trường đó là hình thành các mô hình, kĩ thuật dạy học theo kiểu tìm tòi khám phá, giải quyết vấn đề, trải nghiệm qua tình huống, hợp tác và kết nối mạng trong môi trường ảo...

Vì vậy, khi đề xuất một mô hình dạy học, chúng ta cần thiết phải soi xét nó thông qua hệ thống lý thuyết học tập để tạo cơ sở khoa học xác đáng hoặc là cách để làm rõ những ưu việt của mỗi mô hình. Bài viết này tập trung xem xét mô hình dạy học của các lý thuyết học tập Hành vi, Nhận thức, Kiến tạo và Kết nối. Đó là những lý thuyết vừa phản ánh lịch sử phát triển, vừa mang tính xu hướng của thời đại, có thể vận dụng hiệu quả trong giáo dục người lớn.

## 1. Khái niệm mô hình dạy học

Mô hình dạy học là sự điển hình hóa những hoạt động, những mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố trong cấu trúc hệ thống của quá trình dạy học tại một cơ sở giáo dục. Đó là một bản thiết kế, là ý tưởng của người thiết kế sau khi đã nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ các yếu tố cơ bản: Hiện trạng, nhu cầu thực tế, các điều kiện khả thi và hiệu quả... là cơ sở của quá trình đưa vào thể nghiệm trong thực tế. Trong đó, người ta hình dung ra các đặc trưng quan trọng nhất của các yếu tố trong quá trình dạy học và những mối liên hệ chủ yếu trong bản thân các yếu tố đó.

## 2. Khái quát các mô hình dạy học dựa vào tiếp cận lý thuyết học tập

Sự ra đời của các lý thuyết học tập thể hiện triết lí,

quan niệm nền tảng và cơ chế tâm lí của việc học tập. Một lý thuyết học tập thường phải trả lời ít nhất bốn câu hỏi chính: (1) Đối tượng học tập là gì - làm thế nào có thể xác định được và đặt nó ở đâu?; (2) Tại sao họ học hỏi - những gì làm cho họ thể hiện các nỗ lực?; (3) Họ học những gì - nội dung và kết quả của việc học là gì? (4) Làm thế nào để họ học hỏi - những hành động chính của quá trình học tập là gì? [6]. Đó là cơ sở lý thuyết cho việc tổ chức quá trình dạy học và cải tiến phương pháp dạy học.

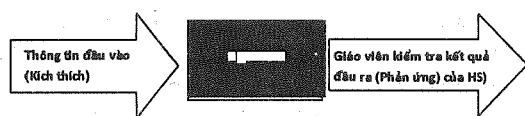
Do tính phức tạp và sâu sắc của các lý thuyết Tâm lí học, do điều kiện vận dụng và tính phổ biến của nó, bài viết chỉ đề cập đến một số học thuyết: Thuyết Hành vi, thuyết Nhận thức, thuyết Kiến tạo, thuyết Kết nối, và những ứng dụng của nó trong dạy học: Mô hình học tập và quan điểm về thiết kế dạy học.

### 2.1. Thuyết Hành vi (Behaviorism)

Sự ra đời của thuyết Hành vi dựa trên cơ sở tâm - sinh lí học mà xuất phát điểm là những nghiên cứu về phản xạ của R. Descarte ở Pháp, những nghiên cứu về hoạt động của hệ thần kinh cấp cao của I.M. Xetsenov, I.P. Pavlov, V.M. Becherev, P.A. Anokhin... ở Nga. Đặc biệt về phản xạ có điều kiện nổi tiếng của I.P. Pavlov và phản xạ kết hợp của V.M. Becherev. Những nghiên cứu này đã có ảnh hưởng rất rõ đến Tâm lí học Động vật của E.L. Thorndike (1874 - 1949) và tiếp theo là sự ra đời của Hành vi luận của J. Watson - được coi là người sáng lập ra ngành Tâm lí học Hành vi [2]. Sau đó nhằm khắc phục những khuyết điểm của Tâm lí học Hành vi cổ điển của ông, nhiều nhà nghiên cứu tâm lí học Mĩ đã phát triển Tâm lí học Hành vi thành nhiều nhánh khác. Đó là Tâm lí học Hành vi mới với thuyết Hành vi nhận thức của E.C. Tolman (1886 - 1959) và thuyết Hành vi diễn dịch giả thuyết của K.L. Hull (1884 - 1952); đó là Tâm lí học Hành vi bảo thủ với thuyết Hành vi tạo tác nổi tiếng của B.F. Skinner (1904 - 1990); và đó là Tâm lí học Hành vi xã hội với thuyết Hành vi xã hội của J. Mid (1863 - 1931), thuyết Nhận thức xã hội của A. Bandura và thuyết Học tập xã hội của D. Rotter... Tuy ở nhiều nhánh khác nhau, với những tên gọi khác nhau, song tất cả đều có một điểm chung là cùng nghiên cứu hành vi của con người với mục đích sử dụng vào việc phục vụ các hoạt động của xã hội; trước hết là giáo dục, dạy học, và trị liệu tâm lí, đồng thời đều có chung một cơ sở phương pháp luận và những luận điểm cốt lõi nhất, cơ bản nhất, quan trọng nhất của học thuyết về Hành vi.

Các lí thuyết Hành vi hướng vào thay đổi hành vi thông qua kích thích - phản ứng cặp và tăng cường chọn lọc. Tập trung sự phạm của họ là kiểm soát phản ứng và thích nghi. Thông qua những kích thích về nội dung, phương pháp dạy học, người học có những phản ứng tạo ra những hành vi học tập và qua đó thay đổi hành vi của mình. Vì vậy, quá trình học tập được hiểu là quá trình thay đổi hành vi. Hiệu quả hơn khi vận dụng trong dạy học các quy trình kĩ thuật, hình thành kĩ năng, kĩ xảo thực hành và cả hành vi ngôn ngữ trong quá trình dạy học. Có thể khái quát mô hình học tập theo các lí thuyết Hành vi (hình 1) [1].

Hình 1: Mô hình học tập theo thuyết Hành vi



Thuyết Hành vi được ứng dụng đặc biệt trong dạy học chương trình hóa, dạy học được hỗ trợ bằng máy vi tính, trong dạy học thông báo tri thức và huấn luyện thao tác. Trong đó, nguyên tắc quan trọng là phân chia nội dung học tập thành những đơn vị kiến thức nhỏ, tổ chức cho học sinh (HS) lĩnh hội tri thức, kĩ năng theo một trình tự và thường xuyên kiểm tra kết quả đầu ra để điều chỉnh quá trình học tập. Những ứng dụng này của thuyết Hành vi đến nay vẫn còn giá trị.

Tuy nhiên, thuyết Hành vi cũng bộc lộ nhược điểm và bị phê phán mạnh mẽ, đó là: Chỉ chú ý đến kích thích và phản ứng bên ngoài, chưa quan tâm đến quá trình nhận thức bên trong của chủ thể, đặc biệt là tư duy của người học.

### 2.2. Thuyết Nhận thức (Cognitivism)

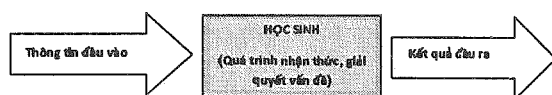
Trong những năm 1970 và 1980 quan niệm và định nghĩa của việc học bắt đầu thay đổi đáng kể. Lí thuyết Hành vi nhường chỗ cho lí thuyết Nhận thức - tập trung vào hoạt động tinh thần bên trong, mở "hộp đen" của tâm trí con người. Người học được xem như một bộ xử lí thông tin (giống như một máy tính). Các quá trình tâm lí như tư duy, trí nhớ, hiểu biết, và giải quyết vấn đề cần được khám phá. Kiến thức có thể được xem như là sơ đồ hoặc công trình xây dựng tinh thần tượng trưng. Học tập được định nghĩa là sự thay đổi trong lược đồ của người học. Các nhà lí thuyết Nhận thức phản biện lại thuyết Hành vi rằng con người không phải là "động vật được lập trình", chỉ đơn thuần đáp ứng với các kích thích môi trường. Những con người hợp lí đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực để tìm hiểu, và hành động có suy nghĩ. Những lí thuyết này nhấn mạnh rằng học tập xảy ra từ trong ra ngoài, không phải từ bên ngoài vào.

Khởi xướng và đóng góp quan trọng cho lí thuyết Nhận thức có các đại diện: Nhà Tâm lí học

người Thụy Sĩ J. Piaget, nhà Tâm lí học Xô viết như Lev Vygotsky, nhà Tâm lí học Mỹ Jerome Bruner, ... Lí thuyết Nhận thức đã được phát triển mạnh mẽ tại Mỹ, với các nghiên cứu của: Merrill (1983) - Lí thuyết hiển thị thành phần; Reigeluth C. & Stein, F. (1983) - Lí thuyết xây dựng; Gagne, R. M., Briggs, L. J., & Wager, W. W. (1992) - Hướng tới nhận thức kiến tạo; Schank, RC & Abelson, R. (1977) - Lí thuyết kịch bản; Scandura, JM (2004) - Lí thuyết học tập cấu trúc; John Sweller (1988) - Lí thuyết tải nhận thức...

Lí thuyết nhận thức hướng vào làm rõ các cấu trúc nhận thức nội bộ và xem việc học như biến đổi trong các cấu trúc nhận thức. Tập trung sự phạm của họ là xử lí và truyền tải thông tin thông qua truyền thông, giải thích, tái tổ hợp, độ tương phản, suy luận và giải quyết vấn đề (hình 2) [1]. Nhiệm vụ của người dạy là tạo ra môi trường học tập thuận lợi, thường xuyên khuyến khích các quá trình tư duy, HS cần được tạo cơ hội hành động và tư duy tích cực. Lí thuyết này được vận dụng trong việc tối ưu hoá quá trình dạy học nhằm phát triển khả năng nhận thức của HS, đặc biệt là phát triển tư duy. Các phương pháp, quan điểm dạy học được đặc biệt chú ý là dạy học giải quyết vấn đề, dạy học định hướng hành động, dạy học khám phá, dạy học theo nhóm.

Hình 2: Mô hình học tập theo thuyết Nhận thức



Tuy nhiên, việc vận dụng thuyết Nhận thức cũng có những giới hạn: Việc dạy học nhằm phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, dạy học khám phá đòi hỏi nhiều thời gian và đòi hỏi cao ở sự chuẩn bị cũng như năng lực của giáo viên (GV). Ngoài ra, cấu trúc quá trình tư duy không quan sát trực tiếp được nên những mô hình dạy học nhằm tối ưu hóa quá trình nhận thức cũng chỉ mang tính giả thuyết.

### 2.3. Thuyết Kiến tạo (Constructivism)

Kiến tạo là một sự tổng hợp của nhiều lí thuyết khuyếch tán vào một hình thức. Đó là sự đồng hóa của cả hai lí thuyết: Hành vi và Nhận thức, là bước phát triển tiếp theo của thuyết Nhận thức. Nếu như thuyết Hành vi hướng đến học tập hữu ích trong việc tìm hiểu hành vi của người học và ảnh hưởng đến những gì HS làm, còn thuyết Nhận thức hướng vào tìm hiểu cấu trúc nhận thức của người học - diễn biến tinh thần (tư duy, trí nhớ...) trong quá trình học tập, thì thuyết Kiến tạo tập trung vào việc HS tích cực tạo ra (hoặc "xây dựng") kiến thức kinh nghiệm cho bản thân mình một cách độc lập hoặc thông qua sự tương tác với mọi người xung quanh.

John Dewey, J. Piaget, Lev Vygotsky, Jerome

Bruner cũng đồng thời là những đại diện tiên phong của thuyết Kiến tạo. John Dewey kêu gọi giáo dục được đặt nền tảng trong kinh nghiệm thực tế. Ông biện luận rằng: "Nếu kiến thức có được nhờ đồ vật tự nhiên tạo ấn tượng lên chúng ta, thì không thể thu được kiến thức nếu không dùng đồ vật để gây ấn tượng cho trí não" [5]. Ý kiến của Dewey tiếp tục có ảnh hưởng lên nhiều mô hình và những người khác chủ trương học tập dựa trên kinh nghiệm. J. Piaget cho rằng con người học thông qua việc xây dựng một cơ cấu hợp lí khác. Ông cũng kết luận rằng, logic của trẻ em và các suy nghĩ ban đầu của chúng là hoàn toàn khác với người lớn. Ý nghĩa của lí thuyết này là đã định hình nên nền tảng cho giáo dục kiến tạo [3]. Nhà Tâm lí học người Nga Lev Vygotsky (1978) đề xuất rằng khi một đứa trẻ đang học một kĩ năng mới hoặc giải quyết một vấn đề mới, họ có thể thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nếu đi kèm với sự giúp đỡ của một chuyên gia, và sẽ kém hơn nếu thực hiện một mình. Ông dẫn chứng: Một người ít chơi cờ vua vẫn có thể cạnh tranh với một đối thủ cao hơn nếu có sự giúp đỡ của một chuyên gia và sẽ khó cạnh tranh với họ nếu thực hiện một mình. Vygotsky gọi đó là sự khác biệt giữa biểu diễn đơn lẻ (solo) và thực hiện có sự hỗ trợ, tức là có sự tác động vào *vùng cận phát triển (ZPD)* - các điểm hoặc khu vực tạo ra sự thay đổi ngay lập tức. Từ quan điểm này, Tharp & Gallimore (1991) cũng cho rằng dạy học như là một hoạt động hỗ trợ [7].

Thuyết Kiến tạo thách thức một cách cơ bản tư duy truyền thống về dạy học. Không phải người dạy, mà là người học trong sự tương tác với các nội dung học tập sẽ nằm trong tâm điểm của quá trình dạy học. Tập trung sự phạm của họ là nhiệm vụ theo định hướng. HS phải học tập từ lí trí riêng, tự định hướng, thiết kế, điều chỉnh quá trình học tập của chính mình. Nhiều quan điểm dạy học mới bắt nguồn từ thuyết Kiến tạo: Học tập tự điều chỉnh, học tập với những vấn đề phức hợp, học theo tình huống, học theo nhóm, học qua sai lầm, nhấn mạnh nhiều hơn vào dạy học định hướng quá trình thay cho định hướng sản phẩm. Kiến tạo có ý nghĩa đối với phương pháp sư phạm hoặc các lí thuyết về giáo dục. Phát hiện, thực hành, kinh nghiệm, hợp tác, dự án, và học tập dựa trên nhiệm vụ là một số ứng dụng của lí thuyết Kiến tạo trong dạy học.

Tuy nhiên, thuyết Kiến tạo cũng có những hạn chế và những ý kiến phê phán. Đối với một số HS, phương pháp phát hiện không phải là phương pháp hiệu quả nhất - vì chúng đòi hỏi thời gian lâu hơn so với việc GV sử dụng các chiến lược giảng giải trực tiếp để dạy các kĩ năng tương lai. Phương pháp phát hiện và học tập dựa trên vấn đề có thể làm cho nhóm HS có khả năng học tập thấp hơn, cần nhiều thời gian hơn để lĩnh hội kiến

thức. Dạy học theo lí thuyết Kiến tạo đòi hỏi thời gian lớn và yêu cầu cao về năng lực của GV.

#### 2.4. Thuyết Kết nối (Connectivism)

Thuyết Kết nối là lí thuyết học tập trong đó nhấn mạnh vai trò của bối cảnh văn hoá và xã hội. Thuyết Kết nối thường liên quan và đưa ra quan điểm giống với *vùng cận phát triển* của Vygotsky, ý tưởng sau hoán chuyển vào thuyết Hoạt động của Engestrom (2001). Mối quan hệ giữa kinh nghiệm làm việc, học tập và kiến thức, được diễn đạt bằng khái niệm "kết nối", quyết định cho thuyết Kết nối, thúc đẩy hình thành tên của lí thuyết này. Nó gần giống với thuyết Học tập xã hội của Bandura đưa ra quan điểm học qua giao tiếp. Cụm từ "Lí thuyết học tập cho thời đại kĩ thuật số" đã nhấn mạnh thuyết Kết nối và ảnh hưởng của công nghệ đối với cách con người sống, truyền đạt và học. Một số nguyên tắc của thuyết Kết nối, đó là:

- Học tập là một quá trình kết nối các nút chuyên ngành hoặc các nguồn thông tin. Một người học theo cấp số nhân có thể cải thiện việc học của mình bằng cách kết nối vào một mạng hiện có. Đó là một quá trình tạo ra tri thức chứ không chỉ tiêu thụ kiến thức;

- Học tập có thể cư trú trong các thiết bị không phải con người. Học tập có thể diễn ra trong một cộng đồng, một mạng lưới, hoặc một cơ sở dữ liệu;

- Khả năng biết được xem là quan trọng hơn những gì hiện đang được biết đến, biết nơi để tìm kiếm thông tin quan trọng hơn là hiểu biết thông tin;

- Nuôi dưỡng và duy trì kết nối là cần thiết để tạo điều kiện học tập liên tục;

- Phương pháp tiếp cận khác nhau và kĩ năng cá nhân là cần thiết để học tập hiệu quả trong xã hội ngày nay; khả năng nhìn thấy mối liên hệ giữa các lĩnh vực, ý tưởng và khái niệm là một kĩ năng cốt lõi;

- Học tập diễn ra theo nhiều cách khác nhau. Các khóa học, thư điện tử, các cộng đồng, hội thoại, tìm kiếm web, danh sách email, blog đọc... Các khóa học không phải là môi trường chủ yếu cho việc học tập;

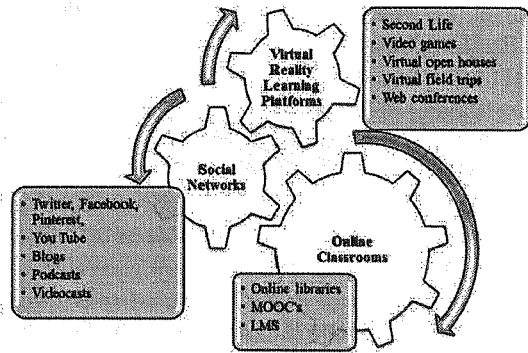
- Tổ chức học tập và cá nhân là những nhiệm vụ tích hợp. Điểm khởi đầu của học tập kết nối là cá nhân. Kiến thức cá nhân là một mạng lưới, cung cấp tri thức cho các tổ chức, rồi lại cung cấp kiến thức trở lại cho mạng này, và sau đó tiếp tục cung cấp kiến thức cho cá nhân. Chu kì phát triển kiến thức này (từ kiến thức của cá nhân đến mạng và tới tổ chức) cho phép người học luôn biết thông tin mới nhất của lĩnh vực/chuyên môn của mình thông qua các mối liên kết đã tạo nên;

- Ra quyết định chính là một quá trình học tập. Lựa chọn những gì để học và ý nghĩa của thông tin đến được nhìn thấy qua ống kính của việc chuyển đổi thực tế. Trong khi có một câu trả lời ngay bây giờ, nó có thể sai vào ngày mai do thay đổi trong môi trường

thông tin ảnh hưởng đến quyết định.

Theo các nguyên tắc của connectivism, cá nhân có được thông tin thông qua các hồ chứa hiện đại của thông tin. Hiện nay, có ba hồ chứa lớn mà các cá nhân có thể có được thông tin: (a) Các lớp học trực tuyến bao gồm các khóa học đồ sộ mở trực tuyến (MOOC), (b) các mạng xã hội bao gồm cả podcast (các file dạng âm thanh: Mp3, wma, acc...) và video clip, và (c) các nền tảng thực tế ảo, bao gồm cả cuộc sống thứ hai và trò chơi video 3 chiều (hình 3).

Hình 3: Ba nơi chứa thông tin chính trong thế kỉ 21



Thuyết Kết nối hướng vào việc làm nổi bật quá trình học tập là tạo ra tri thức mà không chỉ là tiêu thụ kiến thức, thông qua việc cá nhân tự xây dựng mạng kết nối với cộng đồng. Khi đó, việc học diễn ra không chỉ ở lớp học (với những người xung quanh) mà có thể độc lập (với các phương tiện mang thông tin không phải là con người, thông qua mạng kết nối). Chu kì học tập diễn ra từ kiến thức của cá nhân đến mạng, đến tổ chức, thông qua mạng rồi lại đến cá nhân. Sự hữu ích của lí thuyết này là tạo ra một môi trường học tập linh hoạt, mang tính mở, có thể đáp ứng nhu cầu học tập từ xa cho mọi người (đặc biệt phù hợp với những người trưởng thành). Trong thời đại kĩ thuật số và sự bùng nổ thông tin, với điều kiện linh hoạt tri thức ở trường đại học còn hạn chế, việc vận dụng lí thuyết này có thể mở ra một con đường học tập bổ sung cho phương thức nhà trường.

Tuy nhiên, thuyết học tập Kết nối đòi hỏi người học phải có tính tự chủ cao và tự tổ chức, kiểm soát việc học tập của mình, trong khi đó phần lớn người học hiện nay vẫn ưa thích sự giúp đỡ và hỗ trợ của GV để hướng dẫn họ tìm kiếm, xác nhận thông tin thông qua các nguồn tài nguyên và các hoạt động.

**Kết luận**

Các lí thuyết học tập đã gợi ra mục tiêu, nội dung, môi trường học tập và đặc biệt là hướng vào làm rõ bản chất của việc tiếp thu kiến thức, cũng như mô hình kĩ thuật dạy học để làm thay đổi người học theo mục tiêu xác định. Nếu như các lí thuyết Hành vi, Nhận thức, Kiến tạo làm nổi bật chân lí đó là việc

tiếp thu kiến thức diễn ra bên trong một con người, thì thuyết học tập Kết nối lại chú ý đến việc tiếp thu kiến thức diễn ra bên ngoài con người (tức là kiến thức được lưu trữ và xử lí bằng công nghệ). Không thể và sẽ lệch hướng nếu đi sâu tìm hiểu tất cả các lí thuyết học tập từ trước tới nay, vì mỗi lí thuyết phản ánh triết lí riêng và hướng tới đối tượng riêng. Tuy nhiên, trong giáo dục đại học, những lí thuyết hướng vào hình thành hành vi, nhận thức, khả năng kiến tạo tri thức, tính chủ động, sự thích ứng công việc, môi trường sáng tạo, phát huy kinh nghiệm và học tập suốt đời cho người học sẽ hữu ích để thiết kế các mô hình dạy học phù hợp với người lớn, tạo thuận lợi cho phát triển bản thân đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp và xã hội.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Cường – Bernd Meier (2011), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học*.
2. Trần Hữu Luyện (2009), *Các quan điểm tâm lí học dạy học ngoại ngữ*, Thông tin khoa học số 11 - 2009, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Atherton, J. S (2013), *Learning and Teaching*, Piaget’s developmental theory [On-line: UK] retrieved 23 October 2013 from <http://www.learningandteaching.info/learning/piaget.htm>
4. Bruner, J.S. (1986), *A study of thinking*, New Brunswick, NJ: Transaction Press.
5. Dewey, J. (2009), *Democracy and education: An introduction to the philosophy of education*, New York: WLC Books, (Original work published 1916).
6. Knud Illeris (ed.) (2009), *Contemporary Theories of Learning: Learning Theorists - In Their Own Words*, Routledge.
7. Tharp, R. & Gallimore, R. (1991), *Rousing minds to life*, Cambridge, UK: Cambridge University Press.
8. <http://www.eurodl.org/?article=579>.

**SUMMARY**

*The development of learning theories is always linked to the development of school education and strongly governs education reform. In proposing a teaching model, we need to look at it through learning theories to form a relevant scientific foundation or as a way to clarify key advantages of respective model. The paper is focused on considering the teaching model through the lens of learning theories such as Behaviorism, Cognitivism, Constructivism and Connectivism. These theories both reflect the history of development and serve as the trend of era and can be effectively used in adult education.*